TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X , TỈNH BẮC NINH
Bản án số: 11/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 04-6-2018
V/v ly hôn giữa anh Cvà chị H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X

- Thành phần H đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lương Minh Phương**

Các H thẩm nhân dân: Ông: **Nguyễn Hữu Minh**

Bà: **Nguyễn Thị Châm**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Trần Thị Hoan** - Thư ký Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa:* Bà **Phùng Lan Anh** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04/5/2018 và 04/6/2018, tại trụ sở Toà án nhân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2018/TLST - HNGĐ ngày 23/02/2018 về "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX - ST, ngày 20/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Đức Cường, sinh năm: 1981**
Địa chỉ : Thôn B, xã M, huyện X, tỉnh Bắc Ninh (có mặt tại phiên tòa)
2. Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1984**
Nơi ĐKHKTT: Thôn Bái Giang, xã M, huyện X, tỉnh Bắc Ninh
Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện X, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Đức C và chị Nguyễn Thị H thống nhất trình bày: Anh chị tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện X,tỉnh Bắc Ninh từ ngày 17 tháng 7 năm 2003 theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới chị H về làm dâu nhà anh Cngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng theo anh C khai: Phát sinh từ năm 2007, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, trong cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng có quá nhiều quan điểm sống bất đồng mà giữa hai vợ chồng không thể hòa giải. Cuối năm 2007, chị H đi lao động tại Đài Loan đến năm 2010 chị về nước, vợ chồng chỉ chung sống được một thời gian ngắn rồi lại phát sinh mâu thuẫn và anh đã làm đơn xin ly hôn với chị vào năm 2013. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án được Tòa án và hai bên gia đình hòa giải thì anh đã xin rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng giữa hai vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung nên anh lại tiếp tục làm đơn xin ly hôn với chị vào đầu năm 2014. Vì thương con nên anh lại quyết định rút đơn xin ly hôn và đoàn tụ với chị H, vợ chồng chỉ hòa thuận được một thời gian ngắn thì lại tiếp tục mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân, chị H đã chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã M, huyện X từ cuối năm 2014; giữa hai vợ chồng không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa. Năm 2015, chị H đi lao động tại Đài Loan, khi đi thì anh cũng không được biết, giữa hai vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau cả; năm 2017 chị về nước nhưng hai vợ chồng cũng không gặp gỡ hay đoàn tụ. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài nên anh tha thiết xin được ly hôn với chị H.

Theo chị H trình bày thì nguyên nhân anh C làm đơn xin ly hôn với chị vào năm 2011 là do mâu thuẫn về kinh tế, sau đó vợ chồng về đoàn tụ được gần một năm sau thì anh C lại tiếp tục làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó anh C không đến Tòa làm việc nên Tòa án đã đình chỉ việc giải quyết vụ án, vợ chồng về đoàn tụ nhưng vợ chồng chỉ sống chung một nhà còn công việc của ai người đó làm, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh C lại tiếp tục làm dơn xin ly hôn với chị chị xác định tuy vợ chồng đã sống ly thân nhưng cả hai anh chị đều là người theo Đạo Thiên Chúa, anh chị đã có lời thề trước Chúa là chung sống với nhau trọn đời nên chị không đồng ý ly hôn với anh C . Hơn nữa, chị mong muốn con có cả bố và mẹ nên chị không đồng ý ly hôn với anh C. Nếu anh C kiên quyết xin ly hôn thì chị đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh C và chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Mai P, sinh ngày: 18/6/2004. Hiện tại con chung vẫn khỏe mạnh, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh Cco nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng; chị H xác định nếu Tòa án xử cho anh Cđược ly hôn với chị thì nguyện vọng của chị là được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Anh C xác định vợ chồng không có tài sản và công nợ gì chung. Tại biên bản ghi lời khai ngày 26 tháng 2 năm 2018 chị H xác định là về tài sản chung và công nợ anh chị sẽ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Ngày 01 tháng 3 năm 2018, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị H vắng mặt sau đó Tòa án đã tống đạt thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị H nhưng chị H cũng không giao nộp chứng cứ gì mới và cũng không bổ sung yêu cầu gì.

Ngày 19/4/2018, ông Nguyễn Văn H1 là bố đẻ chị Nguyễn Thị H giao nộp cho Tòa án đơn đề nghị xét xử ly hôn vắng mặt của chị H, theo ông H1 trình bày là do chị H gửi về cho gia đình, gia đình không biết địa chỉ cụ thể của chị H hiện tại mà chỉ biết chị đang lao động tại Đài Loan. Nội dung đơn chị H yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; trả nợ chung vay của bà Nguyễn Thị H2 ở thôn N, xã M; chia tài sản chung của hai vợ chồng là tiền sau khi bán ngôi nhà xây trên đất của bố mẹ đẻ anh C để lại cho anh C để trả khoản nợ hai vợ chồng vay của Quỹ tín dụng nhân dân xã M là 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm cho rằng: Việc Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng thời hạn quy định của pháp luật. Việc Tòa án thu thập chứng cứ và ra các văn bản tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 147, 227, 228, 233, 235, 259 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức C được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Mai P , sinh ngày: 18/6/2004 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Anh C phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Đức C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, H đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành

xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Đức C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Lời đề nghị của anh C qua xem xét Tòa án nhận thấy anh C và chị H kết hôn từ tháng 7 năm 2003. Thủ tục kết hôn phù hợp luật định. Mâu thuẫn giữa anh C và chị H được xác định là do những bất đồng trong cuộc sống, mà chủ yếu là do khó khăn về kinh tế làm nảy sinh những bất đồng khác trong đời sống vợ chồng; mặc dù anh C đã làm đơn xin ly hôn với chị H hai lần sau đó lại rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì vợ chồng lại nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân, chị H về sống tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã M từ năm 2014. Nay anh C xin ly hôn thì chị H không đồng ý vì anh chị đều theo đạo Thiên chúa, anh chị đã có lời thề nguyện trước Chúa là nguyện chung sống với nhau đến trọn đời. Mặc dù chị H không nhất trí ly hôn với anh C nhưng cả anh C và chị H cùng xác định là vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân không còn khả năng đoàn tụ nữa. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không hợp tác với Tòa án, bỏ đi khỏi địa phương nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Do đó, cần xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên xử cho anh Cđược ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh C và chị H cùng xác định là có một con chung là Nguyễn Thị Mai P, sinh ngày: 18/6/2004, kể từ khi anh chị sống ly thân năm 2014 thì cháu P do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn thì cả anh C và chị H đều có nguyện vọng được nuôi con; cháu P có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó để đảm bảo điều kiện tốt nhất về mọi mặt của cháu P thì cần căn Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa anh Ctự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là 1.000.000đ/tháng, xét anh C không có nghề nghiệp ổn định, việc tự nguyện cấp dưỡng của anh C phù hợp với mức thu nhập bình quân tại địa phương nên cần chấp nhận.

Về tài sản và công nợ: Anh C xác định vợ chồng không có gì đề nghị Tòa án giải quyết. Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ông Nguyễn Văn H1 là bố đẻ của chị H nộp cho Tòa án "Đơn đề nghị xét xử ly hôn vắng mặt" của chị H gửi về cho gia đình; theo đó chị yêu cầu Tòa án chia tài sản chung cũng như công nợ của hai vợ chồng. Tòa án đã tiến hành tạm ngừng phiên tòa để gia đình thông báo cho chị H đến Tòa án làm việc và yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H. Tuy nhiên gia đình vẫn không biết địa chỉ cụ thể của

chị H ở đâu và chị H không đến Tòa án để làm việc. Do vậy, Tòa án không xem xét yêu cầu về chia tài sản và công nợ của chị H trong vụ án này. Nếu sau này chị H có yêu cầu thì sẽ xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, 227, 228, 233, 235, 259, 264, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức C được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Mai P, sinh ngày: 18/6/2004 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; anh C phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về án phí: Anh C phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ, tổng cộng là 600.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 04444 ngày 23 tháng 2 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X. Anh C còn phải nộp 300.000đ án phí.

¸Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh Nguyễn Đức C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án (hoặc niêm yết bản án)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lương Minh Phương

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện X;
- THADS huyện X
(khi án có hiệu lực PL);
- Phòng GĐ TAND Tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;.
- Lưu HS, VP.